TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **32**/2026/QĐST-HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 04tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn*: Đoàn Thị Bích D – sinh năm 1996.

Số căn cước công dân: 004196000764, ngày cấp 22/4/2021, nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: Xóm B, xã B, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn*: Vi Văn S – sinh năm 1990.

Số căn cước: 004090000156, ngày cấp: 10/11/2022, nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đoàn Thị Bích D và anh Vi Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đoàn Thị Bích D và anh Vi Văn S thuận tình ly hôn.

- *Về việc nuôi con chung*: Chị Đoàn Thị Bích D và anh Vi Văn S xác nhận có 01 con chung là cháu Vi Đăng K - sinh ngày 16/11/2019. Anh chị cùng thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000/tháng, kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

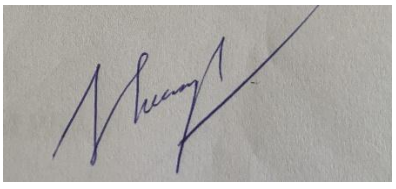
- *Về án phí:* Chị Đoàn Thị Bích D và anh Vi Văn S mỗi người phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000 đồng. Anh S còn phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị D tự nguyện nộp thay phần anh S số tiền 225.000 đồng. Tổng số tiền chị D phải nộp là 3000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000223 ngày 10/4/2026 đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cao Bằng. Xác nhận chị D đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND KV2 – CB;
- Phòng THADS KV 2 – CB;
- UBND xã Bế Văn Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN



Phan Vũ Hoàng